

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban giám đốc và
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3**

Năm 2011

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 05
Báo cáo Kiểm toán	06
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	07 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm 2011	12 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thử nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh

1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con: 3 công ty

Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Soát	Thành viên
Ông Lê Văn Nhưong	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Phó tổng giám đốc
Ông Phạm Ngọc Côi	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Soát	Phó tổng giám đốc
Ông Vũ Công Hòa	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Long	Phó tổng giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Thuận	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Đặng Xuân Trường	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám Đốc
Tổng giám đốc

Phạm Văn Thúy

Số:/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

(Về Báo cáo tài chính năm riêng 2011 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2011 của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được lập ngày 27 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Tạ Quang Tạo
Chứng chỉ KTV D0055/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		261.970.348.044	202.965.131.594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	24.070.186.512	21.276.346.142
1. Tiền	111		24.070.186.512	21.276.346.142
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	1.300.000.000	1.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	173.157.337.087	108.457.340.886
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	142.384.832.135	86.915.840.246
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	6.275.587.330	3.404.663.733
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	24.707.988.425	18.347.907.710
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(211.070.803)	(211.070.803)
IV. Hàng tồn kho	140	4	51.939.510.027	62.937.609.921
1. Hàng tồn kho	141		51.939.510.027	62.937.609.921
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	11.503.314.418	8.993.834.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.1		59.408.584
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.2		87.504.107
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	11.503.314.418	8.846.921.954
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		55.097.086.594	52.542.794.245
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		27.658.740.106	25.983.065.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	27.658.740.106	25.971.891.857
- Nguyên giá	222		47.912.035.430	39.656.274.022
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.253.295.324)	(13.684.382.165)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7		11.173.199
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	22.449.129.750	21.299.129.750
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.449.129.750	21.299.129.750
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	4.989.216.738	5.260.599.439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	4.983.016.738	5.254.399.439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.2	6.200.000	6.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		317.067.434.638	255.507.925.839

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		223.199.912.417	174.661.446.424
I. Nợ ngắn hạn	310	10	213.427.801.019	165.680.281.558
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	79.649.386.044	49.528.903.321
2. Phải trả người bán	312	10.2	29.262.862.672	15.486.694.589
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	53.329.445.612	46.094.869.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	4.856.613.917	3.184.272.661
5. Phải trả người lao động	315	10.5	5.142.809.985	6.570.156.145
6. Chi phí phải trả	316	10.6	1.778.790.415	4.860.718.242
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	3.767.125.575	3.770.025.575
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	34.889.196.680	34.155.480.899
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.9	751.570.119	2.029.160.282
II. Nợ dài hạn	330	11	9.772.111.398	8.981.164.866
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	81.603.898	81.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	9.690.507.500	8.695.827.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.3		203.733.968
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		93.867.522.221	80.846.479.415
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	93.867.522.221	80.846.479.415
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.609.980.000	43.005.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.694.645.000	1.692.200.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(930.000)	(60.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.256.987.914	11.874.987.914
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.520.575.738	3.237.575.738
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.163.356.110	19.413.308.304
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		317.067.434.638	255.507.925.839

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		408.987.523	408.987.523

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	302.886.755.677	252.874.712.542
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	302.886.755.677	252.874.712.542
4. Giá vốn hàng bán	11	16	272.263.470.600	225.009.884.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30.623.285.077	27.864.828.158
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	4.426.096.226	3.092.152.787
7. Chi phí tài chính	22	18	13.714.337.058	6.325.538.190
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.714.337.058	6.325.538.190
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.261.085.553	8.430.909.819
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		14.073.958.692	16.200.532.936
11. Thu nhập khác	31	19	904.672.311	1.447.702.154
12. Chi phí khác	32	20	(76.462.856)	471.213.612
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		981.135.167	976.488.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.055.093.859	17.177.021.478
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	2.213.061.053	2.175.159.592
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	22	12.842.032.806	15.001.861.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.055.093.859	17.177.021.478
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		6.568.913.159	4.118.443.306
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.710.738.864)	(3.157.161.528)
- Chi phí lãi vay	06		13.714.337.058	6.325.538.190
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.627.605.212	24.463.841.446
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.178.532.525)	(36.552.257.846)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.998.099.894	(21.468.522.916)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.561.860.404	(4.769.540.135)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		271.382.701	(3.687.598.551)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.714.337.058)	(6.325.538.190)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.819.365.277)	(4.171.320.039)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		40.000.000	600.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.405.824.796)	(7.730.767.839)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.619.111.445)	(59.641.704.070)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.514.054.869)	(9.654.677.565)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		258.293.461	475.531.588
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.150.000.000)	(10.969.129.750)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100.000.000	2.007.371.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.305.761.408)	(18.140.903.737)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		12.604.420.000	16.342.050.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(870.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		127.798.380.826	78.361.806.892
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(96.683.217.603)	(58.308.438.321)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.718.713.223	36.395.418.571
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.793.840.370	(41.387.189.236)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.276.346.142	62.663.535.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V. 1	24.070.186.512	21.276.346.142

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 55.609.980.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ sáu trăm lẻ chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con: 3 công ty

Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

5. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt thông qua Đại hội đồng cổ đông được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập.

13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 – TP. Hồ Chí Minh.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2011

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

1.1-Tiền mặt (VND)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xí nghiệp 301	413.274.836	85.746.099
- Chi nhánh Khánh Hòa - XN 302	377.927	5.133.376
- Xí nghiệp 303	488.610.563	167.876.659
- Xí nghiệp 304	583	87.591
- Xí nghiệp 305	18.919.398	
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	1.147.296.040	1.164.980.271
- Văn phòng Công ty	4.091.802.956	2.427.993.995

1.2-Tiền gửi ngân hàng

- Xí nghiệp 301	47.601.893	1.719.384
- Chi nhánh Khánh Hòa - XN 302	24.610.665	1.041.410
- Xí nghiệp 303	39.040.510	1.470.599
- Xí nghiệp 304	42.394.973	2.968.057
- Xí nghiệp 305	65.962.807	
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	78.207.198	1.274.911
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN.TPHCM (Văn phòng Công ty)	17.612.086.163	13.347.019.251
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN.TPHCM (TK phong tỏa - VP Công ty)		4.069.034.539

Cộng

24.070.186.512 **21.276.346.142**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

* Đầu tư ngắn hạn

- Ngân hàng ĐT Và PT Việt Nam - CN.TP. HCM (TG TK 12 tháng)	1.300.000.000	1.300.000.000
---	---------------	---------------

Cộng

1.300.000.000 **1.300.000.000**

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

3.1-Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa lớn cầu Km 464+052 (CSHT 1)	1.502.000	1.502.000
- Cống bản km14+400 cầu Nhà Bè	86.916.691	86.916.691
- Cầu số 2 đường tỉnh 725 Cam Ly	5.158.302	5.158.302
- Cầu cứu hỏa Biên Hòa	2.302.042	2.302.042
- 3 cầu Kiên Giang	69.000.000	69.000.000
- Vườn Hoa Nguyễn An Ninh	47.145.668	100.764.668
- Nhà tạm giữ công an Quận Ô Môn	167.050.093	167.050.093
- Cầu Tầm Xá	261.464.000	261.464.000
- Dự án Nam Sông Hậu (Cầu Mái Dầm + Cầu Ngọn Ngang)	2.997.124.167	4.423.166.167
- Cống Bà Xếp - Đường THT	255.734.000	255.734.000
- Đường giao thông nông thôn xã Thạch Quới	24.822.070	24.822.070
- Cống qua đường sắt km 1598+700	10.737.600	10.737.600
- Mở rộng kè cảng Đồng Nai GD1	2.921.400	2.921.400
- Hệ thống thoát nước + cống qua ĐS Biên Hòa	105.563.311	105.563.311
- Cải tạo nâng cấp QL 28 Đoạn Gia Nghĩa	6.633.106	6.633.106
- Km 1651-1653 (Ray, lập lách GTGC)	477.495.000	477.495.000
- Thay ray Km1711-1721(Ray GTGC)	142.274.000	142.274.000
- Xí nghiệp vật tư thiết bị và xây dựng 767 (BTNN)	146.527.540	146.527.540
- Công ty công trình GTCC - Đường Quang Trung	106.447.895	106.447.895
- Gia cố đường sắt KV Đèo Hải Vân		81.657.000
- Đường ngang tại Km 1695+085 (gói thầu số 4)	110.058.000	110.058.000
- Công ty BAUXIT Lâm Đồng - TKV	286.648.460	286.648.460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Gói thầu WB4 - 15	3.348.421.194	2.554.689.660
- Gói số 6A: Cầu Kênh Thủy-DA QL91B - Tp Cần Thơ	3.519.750.333	1.536.861.964
- Cầu trên đường ĐT843-Cầu Đường Gạo+Phú Hiệp	124.596.000	
- Gói thầu 12: XD hệ thống đảm bảo ATGT ĐS-ĐBĐ		2.310.762.000
- Gói thầu số 3/KV2 gồm 7 HM & 1 Cầu Hối Rui	54.383.810	649.383.810
- Gói thầu số 7: Gồm 6 cầu HN-LS đầu tư bằng vốn TD	10.798.955.000	12.298.955.000
- Cầu Ô Sông-Trà My-Trà Bồng-Bình Long	2.799.032.000	2.001.881.000
- Sửa chữa lớn cầu km 1489+546		1.588.373.000
- Gói thầu WB4 - 12	576.328.987	576.328.987
- Công ty TNHH Hải Trường	178.735.190	178.735.190
- Xử lý sụt trượt nền đường KM 20-21 QL91 Cần Thơ		782.071.000
- KSTK, lắp đặt 02 bộ ghi ga Sóng Thần		74.828.000
- Sửa chữa lớn cầu km 1490+851		1.820.499.000
- KB NN Tuy Phong (KSTK đường Ngang)	2.200.200	2.200.200
- Cống thoát nước đường DT 829	112.730.000	112.730.000
- XD nâng cấp đường Lộc Thắng - Lộc Quảng	6.915.964.000	10.124.939.000
- Cầu Vàm đĩnh - Tám Bang	227.650.000	867.311.000
- KCH chống sụt trượt QL 28		583.000.000
- Mở rộng đường đê số 1 - Bình Chánh	399.394.000	1.143.616.000
- SC nâng cấp cầu Trà Nóc - Cần Thơ		1.002.257.991
- Cầu qua sông Maspero - Sóc Trăng	2.074.393.000	
- Ctrình cầu Kênh 01+02	4.129.196	
- KCH ĐS từ Bình Định đến Khánh Hòa	2.000.000.000	9.596.398.000
- Gói số 7 K1, K2 km 1071+196-1081		625.123.000
- Gói 1 : Di dời & XD mới ga Phan Thiết	1.001.885.000	3.611.617.000
- G/cổ, s/c cầu cống ga MM-PT	4.427.446.500	4.429.257.000
- Gói 1 : cải tạo , nâng cấp 13 cầu yếu	17.120.963.000	14.443.957.000
- Gói 4 : 03 cầu yếu tuyến ĐS HN=Tp HCM	31.885.635.099	7.125.222.099
- Gói 10 : 01 hầm chui & 33.31km hàng rào	3.925.288.000	
- SCL cầu ĐS km 1098+974	586.975.000	
- SCL cầu ĐS km 1324+450	1.391.626.000	
- Gói số 2 : XD 10 cầu ĐS (Cầu An Tân- Bầu sấu)	5.298.357.281	
- Gói số 4 : Cầu Kinh cũ, Tứ Thường, Thường Phước ...	3.660.006.000	
- SC cầu Cái Dung	228.000.000	
- Gói 5 : thăm nhựa Cầu Bến long, Xáng ngã năm	207.166.000	
- Gói 6B : thăm nhựa đoạn km 47-57 tuyến QLK-PH	526.265.000	
- Gói 18/KV2 : ctcó NC km 1049-1094 K1,K2	10.390.142.000	
- Gói 5/KV3 : 6 cầu yếu tuyến ĐS : HN-Tp HCM	23.284.889.000	
3.2-Trả trước cho người bán	6.275.587.330	3.404.663.733
- Xí nghiệp 301	1.961.921.346	1.078.772.560
- Chi nhánh Khánh Hoà - XN302		63.000.000
- Xí nghiệp 303	551.253.601	214.038.101
- Xí nghiệp 304	330.362.250	43.548.000
- Xí nghiệp 305	560.417.943	
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	913.023.650	359.382.729
- Văn phòng Công ty	1.958.608.540	1.645.922.343
3.3-Các khoản phải thu khác	24.707.988.425	18.347.907.710
- Xí nghiệp 301 (TG thuế GTGT đầu vào chưa kê khai)		28.139.987
- Xí nghiệp 302- CNKH	-	-
- Xí nghiệp 303 (TG thuế GTGT đầu vào chưa kê khai)		116.124.900
- Xí nghiệp 304	-	-
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	78.339.041	426.557.135
- Văn phòng Công ty	24.629.649.384	17.777.085.688

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(211.070.803)	(211.070.803)
- Công bản Km 14+400 cầu Nhà Bè	(86.916.691)	(86.916.691)
- Cầu cứu hỏa Biên Hòa	(2.302.042)	(2.302.042)
- 3 cầu Kiên Giang	(69.000.000)	(69.000.000)
- Đường giao thông nông thôn xã Thạch Quới	(24.822.070)	(24.822.070)
- Cống qua đường sắt Km 1598+700	(10.737.600)	(10.737.600)
- Mở rộng kè cảng Đồng Nai - GD 1	(2.921.400)	(2.921.400)
- Phải thu khác	(14.371.000)	(14.371.000)
Cộng	173.157.337.087	108.457.340.886

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá gốc hàng tồn kho	51.939.510.027	62.937.609.921
- Nguyên liệu, vật liệu	8.918.566.836	14.048.164.117
- Công cụ, dụng cụ	9.955.636	58.735.280
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.863.200.331	48.830.710.524
- Hàng hóa	147.787.224	
Cộng	51.939.510.027	62.937.609.921

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1-Tài sản ngắn hạn khác	11.503.314.418	8.846.921.954
* <i>Tạm ứng</i>	10.820.689.418	8.244.921.954
- Xí nghiệp 301	2.354.207.483	2.201.600.769
- Xí nghiệp 302- CNKH		64.617.928
- Xí nghiệp 303	513.512.296	702.151.504
- Xí nghiệp 304	1.401.158.809	1.444.231.210
- Xí nghiệp 305	942.886.377	
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	3.407.323.478	1.844.963.719
- Văn phòng Công ty	2.201.600.975	1.987.356.824
* <i>Ký quỹ mượn ray tại Công ty Quản lý Đường sắt Sài Gòn</i>	682.625.000	602.000.000
5.2-Thuế GTGT được khấu trừ		59.408.584
5.3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		87.504.107
Cộng	11.503.314.418	8.993.834.645

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	6.349.059.489	26.983.851.321	5.873.215.903	450.147.309	39.656.274.022
2 Số tăng trong năm		8.456.074.688		57.980.181	8.514.054.869
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm		8.456.074.688		57.980.181	8.514.054.869
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm		258.293.461			258.293.461
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		258.293.461			258.293.461
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	6.349.059.489	35.181.632.548	5.873.215.903	508.127.490	47.912.035.430
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	1.312.783.678	9.937.570.278	2.133.093.966	300.934.243	13.684.382.165
2 Số tăng trong năm	837.717.355	5.058.808.592	791.948.000	97.836.220	6.786.310.167
- Khấu hao trong năm	837.717.355	5.058.808.592	791.948.000	97.836.220	6.786.310.167
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm		217.397.008			217.397.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		217.397.008			217.397.008
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	2.150.501.033	14.778.981.862	2.925.041.966	398.770.463	20.253.295.324
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	5.036.275.811	17.046.281.043	3.740.121.937	149.213.066	25.971.891.857
2 Tại ngày cuối năm	4.198.558.456	20.402.650.686	2.948.173.937	109.357.027	27.658.740.106

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

- Chi phí đi mua máy móc

	Số cuối năm	Số đầu năm
		11.173.199
Cộng		11.173.199

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (CP)	Giá trị	Số lượng (CP)	Giá trị
Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc	531.000	4.500.000.000	531.000	4.500.000.000
Công ty CP Công trình Thành Phát	670.450	5.830.000.000	583.000	5.830.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí & Xây dựng		12.119.129.750		10.969.129.750
Cộng	1.201.450	22.449.129.750	1.114.000	21.299.129.750

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**9.1-Chi phí trả trước dài hạn**

- Xí nghiệp 301
- XN 302-Chi nhánh Khánh Hòa
- Xí nghiệp 303
- Xí nghiệp 304
- Xí nghiệp 305
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng
- Văn phòng Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.983.016.738	5.254.399.439
	714.436.786	709.578.166
	489.827.369	592.616.138
	1.044.260.486	2.065.089.899
	1.634.913.753	1.655.056.918
	177.334.136	
	893.088.844	136.442.600
	29.155.364	95.615.718
9.2-Tài sản dài hạn khác	6.200.000	6.200.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.200.000	6.200.000
Cộng	4.989.216.738	5.260.599.439

10. NỢ NGẮN HẠN**10.1-Vay và nợ ngắn hạn***** Vay ngắn hạn ngân hàng**

- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh

*** Vay cá nhân****10.2-Phải trả người bán**

- Xí nghiệp 301
- XN 302-Chi nhánh Khánh Hòa
- Xí nghiệp 303
- Xí nghiệp 304
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng
- Văn phòng Công ty

10.3-Người mua trả tiền trước

- Gói thầu B2-5 : Cầu Dã Pri
- Gói số 2 : XD 10 cầu ĐS (Cầu An Tân- Bàu sấu)
- Gói số 2 : XD đoạn km 16-18 (QL 28)
- Cầu qua sông Maspero - Sóc Trăng
- Gói thầu B2-9: Cầu Bình Minh-Đất sét
- Cải tạo nâng cấp cầu Đinh bộ Lĩnh

	Số cuối năm	Số đầu năm
	79.649.386.044	49.528.903.321
	77.310.189.044	49.498.903.321
	77.310.189.044	49.498.903.321
	2.339.197.000	30.000.000
	29.262.862.672	15.486.694.589
	1.426.557.256	1.309.313.412
		1.246.709.448
	549.976.930	1.813.719.336
	1.000.000	35.993.300
	2.881.257.184	2.082.437.353
	24.404.071.302	8.998.521.740
	53.329.445.612	46.094.869.844
	8.388.340.777	11.383.258.000
		9.396.231.844
	650.542.000	54.570.000
		7.483.897.000
	5.340.326.780	5.067.942.000
	492.159.000	2.475.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Cầu Chợ Lách - Bến Tre		481.665.000
- Cầu Kinh cũ, Tứ Thường, Thường Phước ...		4.788.306.000
- Cầu Rạch tre, Cà ngỗ ... DT 854	319.108.000	3.320.000.000
- Cầu Thầy Thuốc - Bình Chánh	287.839.555	1.544.000.000
- Gói 5 : 6 cầu yếu tuyến ĐS : HN-Tp HCM		100.000.000
- Cầu Hồng Ngự	7.413.000.000	
- Gói CP 1D : 07 cầu thuộc DA 44 cầu ĐS	1.000.000.000	
- Gói 11A - XD cầu km 18+366,64 & cầu 21+980(QL 28)	2.735.668.000	
- Gói 11 : Biểu Nghi - hạ Long	3.423.600.000	
- Gói XL01- XD cầu cái đôi - xã An Hiệp	6.600.000.000	
- Gói số 8 : cải tạo NC 11 cầu yếu ĐS HN-Tp HCM	697.861.500	
- XD mới cầu đường bộ Đồng nai (KC)	15.981.000.000	
10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.856.613.917	3.184.272.661
- Thuế GTGT đầu ra	2.689.316.001	1.438.935.908
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.139.032.529	1.745.336.753
- Thuế thu nhập cá nhân	28.265.387	
- Thuế nhà đất & tiền thuê đất		
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
10.5-Phải trả người lao động	5.142.809.985	6.570.156.145
- Tiền lương còn phải trả người lao động	5.142.809.985	6.570.156.145
10.6-Chi phí phải trả	1.778.790.415	4.860.718.242
10.7-Phải trả nội bộ	3.767.125.575	3.770.025.575
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	3.767.125.575	3.770.025.575
10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.889.196.680	34.155.480.899
- Kinh phí Công đoàn	110.447.544	70.911.215
- Bảo hiểm xã hội	135.772.573	(6.903.315)
- Bảo hiểm y tế	7.981.342	
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.579.295	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.622.415.926	34.091.472.999
+ Xí nghiệp 302	221.189.790	
+ Xí nghiệp 303	176.731.463	3.877.988
+ Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	-	40.000.000
+ Văn phòng Công ty	34.224.494.673	34.047.595.011
10.9-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	751.570.119	2.029.160.282
Cộng	213.427.801.019	165.680.281.558

11. NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1-Phải trả dài hạn khác	81.603.898	81.603.898
- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	81.603.898	81.603.898
11.2-Vay và nợ dài hạn	9.690.507.500	8.695.827.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	9.690.507.500	8.695.827.000
11.3-Dự phòng trợ cấp mất việc làm		203.733.968
Cộng	9.772.111.398	8.981.164.866

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	21.812.090.000			1.622.907.459	2.810.563.652	25.988.081.418	52.233.642.529
Tăng vốn trong năm trước	21.193.470.000	1.692.200.000					22.885.670.000
Lãi trong năm trước						15.001.861.886	15.001.861.886
Tăng khác			-	60.000	12.302.000.000		12.301.940.000
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác						21.576.635.000	21.576.635.000
Số dư cuối năm trước	43.005.560.000	1.692.200.000	(60.000)	1.622.907.459	15.112.563.652	19.413.308.304	80.846.479.415
Số dư đầu năm nay	43.005.560.000	1.692.200.000	(60.000)	1.622.907.459	15.112.563.652	19.413.308.304	80.846.479.415
Tăng vốn trong năm nay	12.604.420.000	2.445.000					12.606.865.000
Lãi năm nay						12.842.032.806	12.842.032.806
Tăng khác				(870.000)	6.665.000.000		6.664.130.000
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác (*)						19.091.985.000	19.091.985.000
Số dư cuối năm	55.609.980.000	1.694.645.000	(930.000)	1.622.907.459	21.777.563.652	13.163.356.110	93.867.522.221

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú (*): Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

- Trích cổ tức phải trả năm 2010	10.759.985.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010	5.382.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2010	1.283.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2010	1.667.000.000

Cộng	19.091.985.000
-------------	-----------------------

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	43,35%	24.108.350.000	19.286.680.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	56,65%	31.501.630.000	23.718.880.000
Cộng	100%	55.609.980.000	43.005.560.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số năm nay	Số năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	43.005.560.000	21.812.090.000
- Vốn góp tăng trong năm	12.604.420.000	21.193.470.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	55.609.980.000	43.005.560.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.759.985.000	6.543.635.000

d) Cổ tức**+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**e) Cổ phiếu****+ Số lượng cp đăng ký phát hành****+ Số lượng cp đã bán ra công chúng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông	5.561.000	4.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	5.560.998	4.300.556
+ Số lượng cp được mua lại	93	6

+ Số lượng cp được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông	93	6
- Cổ phiếu ưu đãi		

+ Số lượng cp đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông	5.560.905	4.300.550
- Cổ phiếu ưu đãi	5.560.905	4.300.550

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành**

	10.000 đồng/CP	10.000 đồng/CP
--	-----------------------	-----------------------

f) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	17.256.987.914	11.874.987.914
- Quỹ dự phòng tài chính	4.520.575.738	3.237.575.738

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	62.068.358.154	15.114.191.517
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	240.818.397.523	237.760.521.025
- Doanh thu hợp đồng XD được ghi nhận trong kỳ		
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng XD được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	302.886.755.677	252.874.712.542
Cộng		

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuần về bán hàng
- Doanh thu hợp đồng xây dựng

Cộng

Năm nay	Năm trước
62.068.358.154	15.114.191.517
240.818.397.523	237.760.521.025
302.886.755.677	252.874.712.542

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn hợp đồng xây dựng
- Giá vốn của thành phẩm đã bán

Cộng

Năm nay	Năm trước
54.079.902.292	8.187.164.248
218.183.568.308	216.822.720.136
272.263.470.600	225.009.884.384

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (Cổ tức công ty con)

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.206.446.226	3.092.152.787
1.219.650.000	
4.426.096.226	3.092.152.787

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.714.337.058	6.325.538.190
13.714.337.058	6.325.538.190

19. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ tiền thí nghiệm và cho thuê mặt bằng
- Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
539.467.499	860.374.654
325.539.091	432.301.444
39.665.721	155.026.056
904.672.311	1.447.702.154

20. CHI PHÍ KHÁC

- Chi phí hoạt động thí nghiệm, cho thuê mặt bằng
- Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý
- Chi phí các công trình đã quyết toán

Cộng

Năm nay	Năm trước
88.534.484	
40.896.453	367.292.703
(205.893.793)	103.920.909
(76.462.856)	471.213.612

21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.213.061.053	2.175.159.592
2.213.061.053	2.175.159.592

22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

- + Tổng lợi nhuận trước thuế
- + Các khoản điều chỉnh tăng
- + Các khoản điều chỉnh giảm
- + Tổng thu nhập chịu thuế
- + Thuế TNDN phải nộp (25%)
- + Thuế TNDN được miễn giảm (50%)
- + Thuế TNDN phải nộp sau khi được miễn giảm
- + Lợi nhuận sau thuế TNDN

Năm nay	Năm trước
15.055.093.859	17.177.021.478
132.396.184	224.255.260
1.219.650.000	
13.967.840.043	17.401.276.738
3.491.960.011	4.350.319.185
1.278.898.958	2.175.159.592
2.213.061.053	2.175.159.592
12.842.032.806	15.001.861.886

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Cộng

Năm nay	Năm trước
12.842.032.806	15.001.861.886
12.842.032.806	15.001.861.886
4.608.661	2.831.244
2.787	5.299

24. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
358.800.000	315.200.000
358.800.000	315.200.000

25. THÔNG TIN BỔ SUNG**25.1- Giao dịch với các bên liên quan***Trong năm 2011, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Ctrình Trường Lộc	Công ty con	Cho thuê mặt bằng	139.394.546
		Dịch vụ thí nghiệm	14.015.020
		Bán hàng hóa, vật tư	10.274.580.185
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	74.438.278.614
		Cho thuê TSCĐ	1.394.818.000
Công ty CP Công trình Thành Phát	Công ty con	Cho thuê mặt bằng	9.163.636
		Dịch vụ thí nghiệm	72.113.006
		Bán hàng hóa, vật tư	8.283.832.726
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	41.042.282.387
		Cho thuê TSCĐ	2.784.397.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2011, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc	Số tiền
Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản & thí nghiệm)	
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	11.352.038.205
Phải trả khác (tiền thanh toán khối lượng công trình)	(3.580.006.016)
Phải thu khác (cổ tức)	200.000.000
Cộng	7.972.032.189

Công ty CP Công trình Thành Phát	Số tiền
Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản & thí nghiệm)	3.487.905.721
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	15.343.845.790
Phải trả khác (tiền thanh toán khối lượng công trình)	(14.957.756.910)
Phải thu khác	3.390.930.016
Phải thu cổ tức	874.500.000
Cộng	8.139.424.617

Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng	Số tiền
Phải trả khác	800.000.000
Cộng	800.000.000

25.2-Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy